

Signature

CÔNG TY ĐTPT THỦY LỢI HÀ NỘI
PHÒNG TÀI VỤ

**DANH MỤC BÁO CÁO CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA DNNN THEO QUY ĐỊNH
TẠI NĐ 81/2015/NĐ-CP**

Năm 2016 Công bố KQ 2015.

STT	TÊN BÁO CÁO	GHI CHÚ
1	Công văn về việc công bố thông tin doanh nghiệp	
2	Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm ... và 3 năm gần nhất	
3	Báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ công ích và trách nhiệm xã hội năm ...	năm báo cáo
<i>KH</i> 4	Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm...	năm kế hoạch
<i>TCRC</i> 5	Báo cáo tình hình thực hiện sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp năm...	năm báo cáo
<i>TCRC</i> 6	Báo cáo chế độ, tiền lương, tiền thưởng của doanh nghiệp năm...	năm báo cáo
<i>x</i> 7	Báo cáo tài chính năm...	năm báo cáo
<i>x</i> 8	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm...	năm báo cáo
<i>x</i> 9	Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm ...	năm báo cáo
<i>TCRC</i> 10	Báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp năm...	năm báo cáo
11	Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 5 năm được chủ sở hữu phê duyệt	<i>K^o có</i>

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
CÔNG TY TNHH MTV ĐTPT
THỦY LỢI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 22./CV- TLHN
V/v: Công bố thông tin doanh nghiệp

Hà Nội, ngày 22 tháng 07 năm 2017

Kính gửi:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
- Sở Kế hoạch và Đầu Tư
- Sở Tài Chính
- Chi Cục Tài Chính Doanh Nghiệp

Tên giao dịch của doanh nghiệp: Công ty TNHH MTV ĐTPT Thủy lợi Hà Nội

Mã số doanh nghiệp: 0100764400

Địa chỉ liên lạc: Đường 23B – Tiên Dương – Đông Anh – Hà Nội

Điện thoại: 043.9560266

Email: thuyloihanoi2008@gmail.com, phongtaivu.tlhn@gmail.com

Sau đây chứng nhận: Ông Đỗ Văn Tuyền

Điện thoại liên hệ:.....Email:.....

Chức vụ tại doanh nghiệp: Chủ tịch

Là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV ĐTPT Thủy lợi Hà Nội được giao thực hiện công bố thông tin của Công ty TNHH MTV ĐTPT Thủy lợi Hà Nội .

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu VT



Đỗ Văn Tuyền

Số: 26/BC-TLHN

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2017

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH
SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2015 VÀ 03 NĂM GẦN NHẤT**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2012	Thực hiện năm 2013	Thực hiện năm 2014	Thực hiện năm 2015
1	Sản phẩm chủ yếu SX					
a	Diện tích tưới	ha	39,095	37,548	42,627.30	45,160.00
b	Diện tích tiêu	ha	61,531	74,186.86	78,148	80,182.10
2	Tổng doanh thu	tỷ đồng	123.801	142.804	140.377	130.950
3	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	5.292	7.162	5.082	4.986
4	Nộp ngân sách	tỷ đồng	0.038	0.176	0.156	0.055
5	Kim ngạch xuất khẩu					
6	Sản phẩm dịch vụ công ích					
a	Diện tích tưới	ha	39,095	37,548	42,627.30	45,160.00
b	Diện tích tiêu	ha	61,531	74,186.86	78,148	80,182.10
7	Kế hoạch ĐTP T	tỷ đồng				
	- Nguồn ngân sách	tỷ đồng				
	- Vốn vay	tỷ đồng				
	- Vốn khác	tỷ đồng				
8	Tổng lao động	người	632	636	634	659
9	Tổng quỹ lương	tỷ đồng	60.7	65.40	59.15	60.558
	- Quỹ lương quản lý	tỷ đồng	6.6	5.76	5.85	6.246
	- Quỹ lương lao động	tỷ đồng	54.08	59.63	53.30	54.312

Nơi gửi:

- Cục PTĐN - Bộ KHĐT (b/c)
- Sở Tài Chính (b/c)
- Lưu VT

CHỦ TỊCH
Đỗ Văn Tuyền

MÃ SỐ THUẾ: 0100764400

Số: 26 /TLHN-BC

Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH VÀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI NĂM 2015

I. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu về nhiệm vụ công ích

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2015	Thực hiện năm 2015	Tỷ lệ so với KH	Tỷ lệ so với cùng kỳ năm trước
1	Khối lượng, sản lượng sản phẩm dịch vụ công ích thực hiện trong năm					
	- Diện tích tưới	ha	46.030,11	45.160,00	98,11%	105,94%
	- Diện tích tiêu	ha	79.317,07	80.182,10	101,09%	102,6%
2	Khối lượng, sản lượng sản phẩm, dịch vụ công ích bị lỗi, không đạt yêu cầu					
3	Số lượng ý kiến phản hồi về chất lượng sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp không đạt yêu cầu					
4	Chi phí phát sinh liên quan đến các sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện trong năm	Tr.đ	126.116	112.291	89,04%	81,09%
5	Doanh thu thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công ích trong năm	Tr.đ	131.797	130.645	99,13%	97,34%

II. Thực hiện trách nhiệm xã hội của Doanh nghiệp

1. Trách nhiệm bảo vệ môi trường

Công ty tham gia tích cực vào việc bảo vệ môi trường nước, môi trường sinh thái trong khu vực.

2. Trách nhiệm đóng góp cho cộng đồng xã hội

Công ty hoàn thành tốt nhiệm vụ tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp, dân sinh xã hội từ đó góp phần ổn định dân sinh xã hội thúc đẩy kinh tế xã hội trên địa bàn phát triển

3. Trách nhiệm bảo đảm lợi ích và an toàn cho người tiêu dùng

Công ty bảo đảm sản phẩm về nguồn nước, chất lượng, khối lượng nước tưới tiêu theo quy định của định mức kinh tế kỹ thuật cũng như yêu cầu của tình hình thực tế trên địa bàn.

5. Quan hệ với người lao động

Công ty luôn phát huy và duy trì tinh thần đoàn kết nội bộ, dân chủ, minh bạch đảm bảo quan hệ tốt với người lao động.

6. Trách nhiệm đảm bảo lợi ích cho cổ đông và người lao động trong doanh nghiệp

Công ty luôn đảm bảo quyền lợi, lợi ích của người lao động theo quy định hiện hành.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ công ích và trách nhiệm xã hội năm 2015, Công ty TNHH MTV đầu tư phát triển Thủy lợi Hà Nội trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Cục PTDN- Bộ KHĐT (để b/c)
- Sở Tài chính Hà Nội (để b/c)
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH



Đỗ Văn Tuyển

MÃ SỐ THUẾ: 0100764400

Số: 26 /TLHN-BC

Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2017

**KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
NĂM 2016**

I. Tình hình SXKD và đầu tư phát triển năm 2015

Năm 2015 Công ty được UBND thành phố đặt hàng tại Quyết định số 1105/QĐ-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2015, kết quả thực hiện các chỉ tiêu như sau:

1. Sản phẩm chủ yếu: Dịch vụ tưới tiêu cấp nước phục vụ cho sản xuất nông nghiệp và các ngành dân sinh kinh tế trên địa bàn

- Diện tích tưới: đạt 45.160 ha/37.215,93 ha tăng 7.944,07 ha

- Diện tích tiêu: đạt 80.182 ha/ 79.317 ha tăng 865 ha

2. Tổng doanh thu: 130,95 tỷ đồng

3. Lợi nhuận trước thuế: 4,986 tỷ đồng

4. Nộp ngân sách: 0,055 tỷ đồng

II. Kế hoạch SXKD và đầu tư phát triển năm 2016:

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 của Công ty ĐTPT Thủy lợi Hà Nội được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt tại Quyết định số 5162/QĐ-UBND ngày 21/9/2016, đặt hàng tạm thời các chỉ tiêu như sau:

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch
1	Các chỉ tiêu sản lượng chủ yếu		
	Diện tích tưới	Ha	45.426
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	57.344
	Doanh thu cấp bù miễn TLP	Tỷ đồng	56.924

2. Kế hoạch đầu tư phát triển

Năm 2016, Công ty ĐTPT Thủy lợi Hà Nội có kế hoạch phối hợp với Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội thực hiện dự án Bổ sung công suất nước thô cho nhà máy nước Bắc Thăng Long – Vân Trì với một số nội dung như sau :

- Nội dung công việc: Công ty ĐTPT Thủy lợi Hà Nội là đơn vị cung cấp, Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội là bên mua nước thô bơm từ sông Hồng qua trạm bơm Áp Bắc dẫn qua hệ thống kênh Giữa do Công ty ĐTPT Thủy lợi Hà Nội quản lý cấp cho nhà máy nước Bắc Thăng Long – Vân Trì để sản xuất nước sạch.

- Thời gian thực hiện : Bắt đầu từ tháng 6 năm 2016

- Khối lượng thực hiện : Lưu lượng cấp nước từ 30.000 m³/ngày đêm đến 50.000 m³/ngày đêm.

- Đơn giá : 1.320 đồng/m³ (đã bao gồm thuế VAT) theo Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 10/9/2013 của UBND thành phố Hà Nội.

III. Các giải pháp thực hiện:

1. Giải pháp về tài chính:

- Tăng cường sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn góp phần nâng cao hiệu quả khai thác của công trình.

- Thất chặt chi tiêu, tiêu dùng nội bộ, giảm tối đa và tiết kiệm các khoản mục chi phí sản xuất.

2. Giải pháp về sản xuất.

Mở rộng diện tích tưới tiêu, khai thác tối đa diện tích ngoài hạn mức, nâng cao chất lượng tưới tiêu và sản lượng cấp nước sinh hoạt và công nghiệp theo yêu cầu của Công ty nước sạch.

3. Giải pháp về nguồn nhân lực.

Bố trí sắp xếp lao động hợp lý với chuyên môn, năng lực sở trường công tác để phát huy hiệu quả công việc, giảm số lao động gián tiếp chuyển sang lao động trực tiếp.

4. Giải pháp về công nghệ -kỹ thuật.

Ứng dụng công nghệ kỹ thuật trong công tác quản lý tưới tiêu như xây dựng và lắp đặt hệ thống tin học, áp dụng công nghệ thông tin trong sản xuất.

5. Giải pháp về quản lý và điều hành.

Tiếp tục rà soát, sắp xếp bộ máy quản lý điều hành theo hướng tinh gọn từ văn phòng đến các xí nghiệp, cụm, trạm để điều hành hoạt động sản xuất đạt hiệu quả cao.

6. Giải pháp khác.

- Làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao hơn nữa tinh thần làm chủ, ý thức trách nhiệm của CNV –LĐ; triển khai đầy đủ, kịp thời các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các phương án, cơ chế quản lý, quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

- Tăng cường mối quan hệ với các Sở ban ngành và chính quyền địa phương trên địa bàn, làm tốt công tác tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện tốt Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

Trên đây là báo cáo kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2016, Công ty TNHH MTV đầu tư phát triển thủy lợi Hà Nội trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Cục PTDN-Bộ KHĐT (để b/c)
- Sở Tài chính Hà Nội (để b/c)
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH



Đỗ Văn Tuyền



UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐẦU TƯ
 PHÁT TRIỂN THỦY LỢI HÀ NỘI**
 MST: 0100764400

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *dk/BC-TLHN*

Hà Nội, ngày *21* tháng *02* năm 2017

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SÁP XẾP, ĐỔI MỚI DOANH NGHIỆP NĂM 2016

Tên doanh nghiệp	Giữ nguyên	Thoái vốn		Tiến độ thực hiện đến năm báo cáo						Tỷ lệ Nhà nước dự kiến năm giữ sau sắp xếp, thoái vốn	Kế hoạch Năm tiếp theo	Ghi chú		
		Hoàn thành trong năm báo cáo	Chưa hoàn thành	CPH										
				Đang xác định giá trị DN	Đang xác định giá trị DN	Quyết định công bố giá trị DN	Quyết định phê duyệt phương án	Đã IPO	Đại hội đồng cổ đông lần 1				Các hình thức khác	
		Thành lập Ban Chỉ đạo	Đang xác định giá trị DN	Quyết định công bố giá trị DN	Quyết định phê duyệt phương án	Đã IPO	Đại hội đồng cổ đông lần 1	Tên hình thức	Đã có quyết định phê duyệt					
CÔNG TY TNHH MTV DO NHÀ NƯỚC LÀM CHỦ SỞ HỮU														
Công ty TNHH một thành viên ĐTPT thủy lợi Hà Nội	x												Sắp nhập	

Nơi nhận:
 - Cục PTDN- Bộ KHĐT (để báo cáo)
 - Sở Tài chính Hà Nội (để báo cáo)
 - Lưu VT.

CHỦ TỊCH

Đỗ Văn Tuyền

MST: 0100764400

Hà Nội, ngày 11 tháng 02, năm 201

Số: 16/TLHN-BC

BÁO CÁO

CHẾ ĐỘ, TIỀN LƯƠNG, TIỀN THƯỞNG CỦA DOANH NGHIỆP NĂM 2015

1. Chính sách tiền lương, tiền thưởng của doanh nghiệp

a) Nguyên tắc xác định trả lương, thưởng, thù lao của doanh nghiệp

- Nguyên tắc xác định trả lương, thưởng đối với người lao động

Công ty thực hiện việc trả lương theo số lượng và chất lượng hiệu quả công việc, tiền lương phụ thuộc vào vị trí công việc, mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao và kết quả nghiệm thu sản phẩm đặt hàng của Công ty.

Tiền lương trả cho CB-CNLĐ đảm bảo sự công khai minh bạch, chính xác đầy đủ theo quy định của Nhà nước

- Nguyên tắc xác định trả lương, thưởng, thù lao đối với người quản lý doanh nghiệp

Tiền lương đối với cán bộ quản lý được xác định và trả lương theo hiệu quả sản xuất kinh doanh, thực hiện theo nghị định số 51/NĐ-CP ngày 19/8/2013, thông tư số 19//2013-TTBLĐT ngày 9/9/2013 của Bộ lao động và Thương binh xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương, thù lao tiền thưởng đối với Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Công ty, kiểm soát viên, Tổng giám đốc, phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng trong Công ty TNHH một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu.

b) Quỹ tiền lương kế hoạch

- Quỹ tiền lương kế hoạch của lao động: 53.461.000.000 đồng

- Quỹ tiền lương kế hoạch của người quản lý doanh nghiệp: 1.824.000.000đ

c) Chính sách phân phối tiền lương, tiền thưởng, thù lao của doanh nghiệp

- Chính sách phân phối tiền lương, tiền thưởng đối với người lao động: phân phối theo hệ số của thang bảng lương, thời gian thực tế làm việc, kết quả lao động của từng người, việc chi trả thưởng căn cứ vào kết quả bình xét, xếp loại lao động vào cuối năm.

- Chính sách phân phối tiền lương, tiền thưởng, thù lao đối với người quản lý doanh nghiệp: Quỹ tiền lương của viên chức quản lý được xác định theo năm, tách riêng với quỹ tiền lương của người lao động căn cứ vào quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch do Công ty xác định, tiền lương, thù lao của viên chức quản lý được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

Tiền thưởng, thù lao của viên chức quản lý được xác định theo quy định tại thông tư số 19/2013 TT-BLĐTBXH ngày 9/9/2013 của Bộ lao động và Thương binh xã hội.

2. Báo cáo quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của doanh nghiệp

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015		Năm 2016
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch
1	2	3	4	5	6
I	HẠNG CÔNG TY ĐƯỢC XẾP		II	II	II
II	TIỀN LƯƠNG CỦA LAO ĐỘNG				
1	Lao động sử dụng trong năm	Người	662	652	638
2	Mức lương bình quân	1.000đ/tháng	6,729	6,941	5,604
3	Quỹ tiền lương	Triệu đồng	53.461	54.312	42.911
4	Quỹ tiền thưởng, phúc lợi phân phối trực tiếp cho người lao động	Triệu đồng	6.669	6.669	4.335
5	Thu nhập bình quân	1.000đ/tháng	7.500	7.351	6.124
III	TIỀN LƯƠNG CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP				
1	Số người quản lý DN	Người	7	7	7
2	Mức lương cơ bản bình quân	Tr.đồng/tháng	21	21	21
3	Quỹ tiền lương	Tỷ đồng	1,824	1,824	1,824
4	Mức tiền lương bình quân	Tr.đồng/tháng	21	21	21
5	Quỹ tiền thưởng	Triệu đồng			
6	Tiền thưởng, thu nhập khác	Triệu đồng			
7	Mức thu nhập bình quân của viên chức quản lý	Tr.đồng/tháng	21	21	21

Công ty TNHH MTV đầu tư phát triển Thủy lợi Hà Nội trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Cục PTDN- Bộ KHĐT (đề b/c)
- Sở Tài chính Hà Nội (đề b/c)
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH



Đỗ Văn Tuyền

Số: 28/TLHN

Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2017

Biểu số 1
BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2015

1. Bảng cân đối kế toán – Mẫu số B01-DN ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
TÀI SẢN			
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN (100= 10+120+130+140+150)	100	52,647,250,296	86,316,541,303
I. Tiền	110	35,561,630,722	34,104,690,867
1. Tiền mặt	111	35,561,630,722	34,104,690,867
2. Các khoản tương đương tiền	113		
II. Các khoản ĐTTTC ngắn hạn	120		
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	13,324,585,851	44,782,979,266
1. Phải thu khách hàng	131	548,852,176	1,713,567,252
2. Trả trước người bán	132	-	
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	643,750,769	866,581,005
5. Các khoản phải thu khác	136	12,131,982,906	42,202,831,009
IV. Hàng tồn kho	140	2,529,648,444	2,755,833,962
1. Hàng tồn kho	141	2,529,648,444	2,755,833,962
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	1,231,385,279	4,673,037,208
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	1,228,489,315	2,837,026,463
3. Thuế và các khoản khác phải thu NN	154	2,895,964	
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1,836,010,745
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200	512,062,759,689	467,771,124,237
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	-	-
II. Tài sản cố định	220	512,062,759,689	467,771,124,237
1. TSCĐ hữu hình	221	467,236,339,516	433,015,849,107
- Nguyên giá	222	531,659,739,276	491,477,867,750

S.Đ.K.K

- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(64,423,399,760)	(58,462,018,643)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	44,826,420,173	34,755,275,130
III. Bất động sản đầu tư	240	-	
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	-	
V. Tài sản dài hạn khác	260		
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270	564,710,009,985	554,087,665,540
NGUỒN VỐN			
A- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300	34,289,782,252	68,950,688,668
I. Nợ ngắn hạn	310	34,289,782,252	67,431,937,926
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		
2. Phải trả người bán	312	13,607,077,278	38,227,528,653
3. Người mua trả tiền trước	313	35,537,060	28,025,780
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	2,845,883,612	2,657,742,904
5. Phải trả người lao động	315	14,924,362,496	17,645,546,638
6. Chi phí phải trả	316		
7. Phải trả nội bộ	317		720,281,306
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318		
9. Các khoản phải trả, phải nộp N.hạn khác	319	1,452,497,520	5,800,185,645
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-
11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	1,424,424,286	2,352,627,000
II. Nợ dài hạn	330		1,518,750,742
8. Doanh thu chưa thực hiện			1,518,750,742
B.NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400	530,420,227,733	485,136,976,872
I. Vốn chủ sở hữu	410	530,420,227,733	485,136,976,872
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	486,867,073,370	416,219,726,837
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	997,912,339	997,912,339
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	(934,605,669)	(299,061,961)
7. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421	43,489,847,693	68,218,399,657
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430=300+400)	440	564,710,009,985	554,087,665,540

2. Báo cáo kết quả kinh doanh – Mẫu số B02-DN ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
NĂM 2015**

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Năm này	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	130,645,384,944	139,445,666,724
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	130,645,384,944	139,445,666,724
4. Giá vốn hàng bán	11	112,291,912,829	121,311,154,841
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	18,353,472,115	18,134,511,883
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	304,987,323	299,399,108
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	50,510,786	59,517,693
- Trong đó: Lãi vay phải trả	23		
8. Chi phí bán hàng	24		
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	13,621,744,729	13,765,692,050
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30	4,986,203,923	4,608,701,248
11. Thu nhập khác	31		631,818,182
12. Chi phí khác	32		158,218,497
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	-	473,599,685
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	4,986,203,923	5,082,300,933
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	55,490,752	156,223,459
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60	4,930,713,171	4,926,077,474



4. Bản thuyết minh báo cáo tài chính – Mẫu B09 ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2015

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:

1. Hình thức sở hữu vốn: 100% vốn nhà nước
2. Lĩnh vực kinh doanh: Dịch vụ tưới tiêu, phục vụ công ích, nuôi trồng thủy sản và kinh doanh khác
3. Ngành nghề kinh doanh: Tưới tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh.
4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 1 năm
5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính: Có so sánh được.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm (bắt đầu từ ngày 01.01 kết thúc vào ngày 31.12)
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VNĐ)

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014-TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.
2. Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam, tuân thủ mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính và chế độ kế toán hiện hành.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Việc lập các báo cáo tài chính giữa niên độ và báo cáo tài chính năm gần nhất là cùng áp dụng các chính sách kế toán như nhau.
4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:
- Các nghiệp vụ kinh tế được ghi nhận và lập báo cáo theo đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán đó là đồng Việt Nam. Các khoản tương đương tiền được xác định trên cơ sở các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng phù hợp với chuẩn mực kế toán số 24 “ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ”.
6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu:
Khoản phải thu của khách hàng cần được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải thu theo dõi chi tiết kỳ hạn thu hồi và ghi chép theo từng lần thanh toán. Kế toán phải tiến hành phân loại các khoản nợ, loại nợ có thể trả đúng hạn, khoản nợ khó đòi hoặc có khả năng không thu hồi được, để có căn cứ xác định số trích lập dự phòng phải thu khó đòi hoặc có biện pháp xử lý đối với khoản nợ phải thu không đòi được.
7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

35
G T
HF
ANH
PHÁT
Y L
N C
H-7

- Hàng tồn kho được ghi nhận giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho mua ngoài bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

8. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình: ghi nhận theo nguyên giá, trong bảng cân đối kế toán TSCĐ được phản ánh theo 3 chỉ tiêu: nguyên giá, hao mòn lũy kế, giá trị còn lại.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ: Áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng.

11. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước:

Chi phí trả trước là các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất KD của nhiều kỳ kế toán. Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán phải căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý. Phải theo dõi chi tiết từng loại khoản chi phí trả trước theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

12. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả:

- Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo từng kỳ hạn trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác.

- Khi lập BCTC kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

- Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán phải ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện:

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ toán.

19. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: Được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên Bảng cân đối kế toán là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hội tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hội tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu cung cấp dịch vụ: Việc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ được tuân thủ đầy đủ 4 điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 “ Doanh thu và thu thập khác”.

- Doanh thu bán hàng: Việc ghi nhận doanh thu bán hàng được tuân thủ đầy đủ 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại chuẩn mực kế toán số 14 “Doanh thu và thu nhập khác”.

- Doanh thu hoạt động tài chính: Việc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính tuân thủ đầy đủ 02 điều kiện ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính quy định tại chuẩn mực kế toán số 14 “Doanh thu và thu nhập khác”.

*** Ý kiến của kiểm toán.**

Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty trách nhiệm hữu hạn kế toán, kiểm toán Việt Nam.

Theo ý kiến của kiểm toán, Báo cáo tài chính năm 2015 đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển thủy lợi Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CHỦ TỊCH *ĐVT*



Đỗ Văn Tuyên

Y/C
VIỆT
TRÍ
ĐI
P.H.H

**BÁO CÁO THỰC TRẠNG
QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA DOANH NGHIỆP NĂM 2015**

I. Thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức doanh nghiệp

1. Chủ tịch công ty

Chủ tịch Công ty: Nguyễn Thị Thanh Lịch

(Chi tiết về trình độ chuyên môn, kinh nghiệm nghề nghiệp, các vị trí quản lý đã nắm giữ, công việc quản lý được giao trình bày tại biểu số 1 kèm theo)

2. Kiểm soát viên

Công ty có 01 kiểm soát viên chuyên trách, danh sách trích ngang như sau:

Họ và tên: Nguyễn Thị Hương; sinh năm 1977

Trình độ chuyên môn: Đại học thương mại, chuyên ngành kinh tế

3. Thù lao và lợi ích của Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty

Tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Chủ tịch Công ty, Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kiểm soát viên, kế toán trưởng Công ty năm 2015 thực hiện theo quy định tại Nghị định 51/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ và Thông tư 19/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09/9/2013 của Bộ Lao động thương binh xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với thành viên, Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc hoặc Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Biểu tổng hợp chế độ tiền lương, tiền thưởng của viên chức quản lý công ty

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương, thù lao năm 2015
1	Nguyễn Thị Thanh Lịch	Chủ tịch công ty	254.441.760
2	Đỗ Văn Tuyển	Tổng giám đốc	251.766.415
3	Nguyễn Văn Hải	Phó tổng giám đốc	215.551.892
4	Lê Thị Thanh Phương	Phó tổng giám đốc	230.367.418
5	Bùi Thị Thảo	Kế toán trưởng	203.270.321
6	Nguyễn Thị Hương	Kiểm soát viên	215.162.710



4. Các chính sách bảo đảm trách nhiệm của đội ngũ quản lý

Mục tiêu hoạt động của Công ty là hoạt động quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp, dân sinh, xã hội trên địa bàn do UBND Thành phố giao, sử dụng các nguồn lực ddwoej nhà nước giao quản lý để tổ chức có hiệu quả các hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật, hoạt động của Công ty không vì mục tiêu lợi nhuận do đó Công ty luôn chú trọng các nguyên tắc về đạo đức đó là luôn gắn lợi ích của doanh nghiệp với lợi ích của xã hội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động, tôn trọng nhu cầu của khách hàng.

Ngoài nghĩa vụ quản lý vốn, tài sản, quản lý tài chính, Công ty cung ứng sản phẩm dịch vụ đủ số lượng, đúng chất lượng và thời hạn đã cam kết theo giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, đặt mục tiêu phục vụ khách hàng là chính sách hàng đầu của doanh nghiệp

5. Về quản lý rủi ro

Đặc thù của ngành là hoạt động sản xuất ngoài trời, chịu nhiều các yếu tố tác động về thời tiết, tình hình kinh tế, xã hội, chính trị của địa phương, trong thời gian gần đây do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, diễn biến thời tiết bất thường đã ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của Công ty. Để chủ động ứng phó với thiên tai, giảm thiểu các rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã xây dựng phương án chống hạn, phương án phòng chống lụt, bão úng, phối hợp với các địa phương triển khai công tác phòng chống thiên tai trên địa bàn do Công ty phục vụ. Đồng thời Công ty thực hiện việc quản lý rủi ro và bảo hiểm cho tài sản, con người của Công ty trong quá trình sản xuất kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật.

II. Các quyết định của cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp.

Biểu số 2

Các Quyết định của cơ quan đại diện chủ sở hữu Nhà nước đối với Công ty

TT	Số văn bản	Ngày	Nội dung văn bản
1	1105/QĐ-UBND	11/03/2015	Phê duyệt phương án duy trì, vận hành hệ thống tưới tiêu phục vụ SXNN, dân sinh xã hội giao các DN thủy lợi phục vụ trên địa bàn tp Hà Nội
2	1342/QĐ-UBND	20/2/2013	Phê duyệt đơn giá làm cơ sở đặt hàng thực hiện nhiệm vụ duy trì, vận hành hệ thống tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp, dân sinh, xã hội áp dụng cho các Công ty thủy lợi trên địa bàn thành phố Hà Nội.
3	268/QĐ-UBND	19/01/2015	Phê duyệt phương án điều chỉnh điều hoà kế hoạch vốn ĐTXDCB đợt 3
4	607/QĐ-UBND	05/02/2015	Giao chỉ tiêu đánh giá hiệu quả của công ty

5	6399/QD-UBND	25/11/2015	TNHH MTV DIPT Thủy lợi Hà Nội Ban hành quy trình kỹ thuật quản lý, duy trì và vận hành hệ thống tưới tiêu trên địa bàn thành phố Hà Nội
6	6788/QD-UBND	10/12/2015	Giao chỉ tiêu kế hoạch KT-XII và dự toán thu chi NS năm 2015
7	6974/QD-UBND	18/12/2015	Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại tập định mức KT - KT duy trì vận hành hệ thống tưới tiêu, nước phục vụ nông nghiệp, dân sinh, xã hội áp dụng cho các công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố Hà Nội ban hành kèm theo QĐ 6147/QĐ-UBND thành phố ngày 27/12/2012 của UBND thành phố làm cơ sở thanh quyết toán kinh phí đặt hàng dịch vụ thủy lợi 2015.

III. Hoạt động của Chủ tịch công ty:

1. Các cuộc họp của Chủ tịch công ty

Biểu số 3

Thống kê các cuộc họp của Chủ tịch Công ty

Chủ tịch công ty	Số buổi họp tham dự	Số buổi họp không tham dự	Lý do không tham dự	Tỷ lệ
Nguyễn Thị Thanh Lịch	10	-	-	100%

2. Hoạt động giám sát của Chủ tịch công ty đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc.

Biểu số 4

Thống kê các Nghị quyết, Quyết định của Chủ tịch Công ty

TT	Số văn bản	Ngày	Nội dung văn bản
1	04/TLHN	3/3/2015	Kết luận thực hiện quyết định đặt hàng của UBND thành phố về hoạt động sản xuất kinh doanh
2	14/TLHN	6/4/2015	Công khai tài sản, thu nhập của cán bộ quản lý
3	20/TLHN	20/5/2015	Kết luận của chủ tịch Công ty về cuộc họp Ban lãnh đạo Công ty về việc thực hiện công tác sản xuất kinh doanh quý I triển khai quý II
4	174/TLHN	24/9/2015	Phân phối lợi nhuận sau thuế
5	175/TLHN	28/9/2015	Xin chủ trương thành phố bổ sung 01 Phó tổng giám đốc

IV. Hoạt động của Kiểm soát viên

1. Hoạt động của Kiểm soát viên

Hoạt động theo chương trình công tác năm đã được Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội chấp thuận tại quyết định số 2541/QĐ-UBND ngày 05/6/2015

Các báo cáo của Kiểm soát viên

Biểu số 5

Thống kê các báo cáo của Kiểm soát viên

TT	Số văn bản	Ngày	Nội dung văn bản
1	02/TLHIN-KSV	25/03	Xin phê duyệt quy chế hoạt động của KSV
2	03/TLHIN-KSV	25/03	Xin phê duyệt chương trình công tác
3	04/TLHIN-KSV	26/05	Kế hoạch kiểm tra quý II,III năm 2015
4	05/TLHIN-KSV	29/05	Báo cáo giám sát của KSV năm 2014
5	06/TLHIN-KSV	25/10	Kế hoạch kiểm tra quý IV/2015
6	07/TLHIN-KSV	31./12	Báo cáo giám sát KSV

V. Thông tin về các bên có liên quan

Biểu số 6

Thống kê các giao dịch với các bên liên quan

TT	Bên liên quan	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch
1	Công ty TNHH MTV KTCITL Bắc Duống	Tạo nguồn tưới tiêu	2.374.176.827
2	Công ty TNHH MTV ĐTPT thủy lợi Sông Nhuệ	Tạo nguồn tưới tiêu	327.029.970
3	Công ty Nam Duống- XN Như Quỳnh	Tạo nguồn tưới tiêu	1.851.839.480
4	Công ty TNHH MTV Thủy lợi Phúc Yên	Tạo nguồn tưới tiêu	680.029.990
5	Công ty cổ phần tập đoàn đầu tư P.H	Thi công công trình	7.331.587.000
6	Công ty CP xây lắp giao thông Công chính	Thi công công trình	2.000.000.000
7	Tổng công ty đầu tư phát triển hạ tầng đô thị UDIC- Công ty TNHH MTV	Thi công công trình	3.299.931.000

Nơi nhận:

- Cục PTDN- Bộ KHĐT (để b/c)
- Sở Tài chính Hà Nội (để b/c)
- Lưu VT.



Biểu số 1**THÔNG TIN VỀ TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC DOANH NGHIỆP***(Kèm theo báo cáo số TLHN-BC ngày ...tháng...năm 2017 của Công ty ĐTVT thủy lợi Hà Nội)*

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức danh	Phân loại thành viên	Trình độ chuyên môn	Kinh nghiệm nghề nghiệp	Các vị trí quản lý đã nắm giữ	Công việc quản lý được giao
1	Nguyễn Thị Thanh Lịch	1961	Chủ tịch		Thạc sỹ thủy lợi chuyên ngành KT	28 năm	Phó giám đốc, chủ tịch	Chủ tịch
2	Đỗ Văn Tuyến	1969	Tổng TGD		Thạc sỹ thủy lợi chuyên ngành KT	21 năm	Giám đốc, Tổng giám đốc	Tổng giám đốc
3	Nguyễn Văn Hải	1961	Phó tổng giám đốc		ĐH N.N chuyên ngành KT	29 năm	Phó giám đốc, Phó tổng giám đốc	Phó tổng giám đốc
4	Lê Thị Thanh Phương	1972	Phó tổng giám đốc		ĐH TL chuyên ngành thủy nông	23 năm	Trưởng phòng, Phó tổng giám đốc	Phó tổng giám đốc
5	Bùi Thị Thảo	1964	KTT		ĐH TC chuyên ngành KT	25 năm	Trưởng phòng, Kế toán trưởng	Kế toán trưởng
6	Nguyễn Thị Hương	1977	KSV		ĐH TM chuyên ngành KT	15 năm	Phó phòng, Kiểm soát viên	Kiểm soát viên
7	Nguyễn Đức Hậu	1973	Phó Tổng Giám đốc		ĐH bách khoa	21 năm	Trưởng phòng, Phó Tổng giám đốc	Phó Tổng Giám đốc (bộ nhiệm 28/12/2015)

